

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty chỉ tổ chức sản xuất kinh doanh tại một địa điểm cụ thể và cung cấp một loại dịch vụ, sản phẩm nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	147.371.130	158.583.631
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.440.191	170.527.695
Cộng	193.811.321	329.111.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	49.977.375.613	-	49.977.375.613	-
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	49.977.375.613	-	49.977.375.613	-
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	(866.640.000)	866.640.000	(866.640.000)
+ Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)	866.640.000	(866.640.000)
Cộng	50.844.015.613	(866.640.000)	50.844.015.613	(866.640.000)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty nhận đầu tư.

(*) Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị VND	Giá trị VND
a) Ngắn hạn	1.715.862.633	1.795.757.133
- Công ty CP giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	79.818.093
- Các đối tượng khác	1.636.044.540	1.715.939.040
b) Dài hạn	14.793.129.132	14.793.129.132
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	14.793.129.132	14.793.129.132
Cộng	16.508.991.765	16.588.886.265
	(1.715.862.633)	(1.715.862.633)
	1.715.862.633	(1.715.862.633)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá trị VND	Giá trị VND
Ngắn hạn	679.354.252	679.354.252
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	549.354.252
- Công ty CP Dầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	130.000.000
Cộng	679.354.252	679.354.252
	(679.354.252)	(679.354.252)
	(679.354.252)	(679.354.252)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngân hạn	28.962.076.986	(3.507.940.950)	27.290.187.280	(3.507.940.950)
- Tạm ứng	326.237.998	(326.237.998)	326.237.998	(326.237.998)
- Phải thu khác	28.635.838.988	(3.181.702.952)	26.963.949.282	(3.181.702.952)
+ Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1	24.816.756.328	-	23.144.866.622	-
+ Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.168.648.952	(1.168.648.952)	1.168.648.952	(1.168.648.952)
Cộng	28.962.076.986	(3.507.940.950)	27.290.187.280	(3.507.940.950)

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Phải thu khách hàng	1.715.862.633	-	1.715.862.633	-
+ Trần Văn Diệp	65.276.477	-	65.276.477	-
+ Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	-
+ Đại lý Nguyễn Quang	73.912.501	-	73.912.501	-
+ Nguyễn Ngọc Cường	32.546.627	-	32.546.627	-
+ Các đối tượng khác	1.514.206.815	-	1.514.206.815	-
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	-
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	-
Tạm ứng	326.237.998	-	326.237.998	-
+ Các đối tượng khác	326.237.998	-	326.237.998	-
Phải thu khác	3.181.702.952	-	3.181.702.952	-
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	-
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	-
+ Lê Đức Hùng	472.000.000	-	472.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.168.648.952	-	1.168.648.952	-
Cộng	5.903.157.835	-	5.903.157.835	-
				5.903.157.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
30/06/2022	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(4.201.030.906)	(2.560.166.960)	(2.114.385.277)	(755.681.823)	(9.631.264.966)
- Khấu hao trong năm	(152.058.456)	(26.190.446)	(55.153.710)	(8.397.522)	(241.800.134)
30/06/2022	(4.353.089.362)	(2.586.357.406)	(2.169.538.987)	(764.079.345)	(9.873.065.100)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	4.661.678.395	99.523.730	149.264.803	117.565.261	5.028.032.189
30/06/2022	4.509.619.939	73.333.284	94.111.093	109.167.739	4.786.232.055

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 6.393.328.599 VND (tại ngày 01/01/2022 là 6.079.42.884 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phản mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	59.500.000	59.500.000
- Mua trong năm	-	-
30/06/2022	59.500.000	59.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2022	(59.500.000)	(59.500.000)
30/06/2022	(59.500.000)	(59.500.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	-	-
30/06/2022	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 59.500.000 VND (tại ngày 01/01/2022 là 59.500.000 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngân hạn	16.980.123.573	7.670.504.266	18.226.541.976	7.670.504.266
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	2.154.287.641	-	2.154.287.641	-
- Công ty CP Thành Nhơn	1.529.827.064	-	1.829.827.064	-
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	1.790.324.060	-	1.790.324.060	-
- Công ty TNHH thuốc thú y TW1	7.670.504.266	7.670.504.266	7.670.504.266	7.670.504.266
- Các đối tượng khác	3.835.180.542	-	4.781.598.945	-
Cộng	16.980.123.573	7.670.504.266	18.226.541.976	7.670.504.266

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 28.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	44.987.923	-	44.987.923	-
- Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chăn nuôi heo Bình Thăng	14.962.500	-	14.962.500	-
- Các đối tượng khác	30.025.423	-	30.025.423	-
Cộng	44.987.923	-	44.987.923	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ VND		30/06/2022 VND	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	314.456.444		219.863.635		147.817.024		386.503.055	
- Thuế thu nhập cá nhân	1.570.345.288		13.736.260		20.877.460		1.563.204.088	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		327.498.756		327.498.756		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	81.122.298		5.000.000		5.000.000		81.122.298	
	1.965.924.030		566.098.651		501.193.240		2.030.829.441	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.786.929.080	1.691.988.420
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.406.500	1.666.406.500
- Các khoản trích trước khác	120.522.580	25.581.920
Cộng	1.786.929.080	1.691.988.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	4.494.661.784	70.057.876	4.590.539.317	65.935.409
- Kinh phí công đoàn	45.632.883	45.632.883	45.632.883	45.632.883
- Bảo hiểm xã hội	18.993.553	18.993.553	15.533.203	15.533.203
- Bảo hiểm y tế	3.619.015	3.619.015	3.004.192	3.004.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.812.425	1.812.425	1.765.131	1.765.131
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.424.603.908	-	4.524.603.908	-
Văn phòng Công ty	3.565.577.978	-	3.665.577.978	-
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	-	390.212.000	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	700.000.000	-	700.000.000	-
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	-	136.723.837	-
+ Các đối tượng khác	2.338.642.141	-	2.438.642.141	-
Chi nhánh tại Đà Nẵng	91.340.670	-	91.340.670	-
+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Nam	81.000.000	-	81.000.000	-
+ Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đà Nẵng	10.340.670	-	10.340.670	-
Chi nhánh tại TP.HCM	767.685.260	-	767.685.260	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	19.900.000	-	19.900.000	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	-	747.785.260	-
b) Dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
Cộng	5.093.661.784	70.057.876	5.189.539.317	65.935.409